

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CỦA PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN

Ngành, nghề:	Điều dưỡng
Mã ngành, nghề:	6720301
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp Trung học phổ thông
Thời gian đào tạo:	Từ 2,5 năm đến 4,5 năm
Đơn vị đào tạo:	Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên

I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO

Điều dưỡng trình độ cao đẳng là ngành nghề về chăm sóc sức khỏe người bệnh, có nhiệm vụ chăm sóc và đáp ứng những nhu cầu cơ bản của người bệnh cả về thể chất và tinh thần, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Người làm nghề Điều dưỡng là người đảm nhận việc chăm sóc, kiểm tra tình trạng sức khỏe của người bệnh; trực tiếp theo dõi và hỗ trợ cho bệnh nhân trong suốt quá trình trị liệu. Phạm vi công việc của điều dưỡng khác nhau tùy theo các cơ sở y tế, vị trí việc làm. Tuy nhiên, công việc chủ yếu chung nhất của nghề điều dưỡng là: điều dưỡng tiếp đón, điều dưỡng hành chính, điều dưỡng chăm sóc, điều dưỡng phục hồi chức năng, điều dưỡng dinh dưỡng, điều dưỡng cộng đồng.

Để hành nghề, người điều dưỡng phải có sức khỏe tốt, có ý đức, có đủ kiến thức về chính trị, pháp luật, kiến thức về chuyên môn và kỹ năng giao tiếp đáp ứng với vị trí công việc. Ngoài ra, cần phải thường xuyên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, mở rộng kiến thức xã hội; rèn luyện tính cẩn thận, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh.

II. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo điều dưỡng trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức và năng lực thực hành nghề điều dưỡng phù hợp với trình độ cao đẳng; có khả năng ứng dụng công nghệ số trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp; có sức khỏe tốt, đáp ứng yêu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Người điều dưỡng thực hành nghề nghiệp theo quy định của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân; nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Kiến thức

- Vận dụng được các kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để giải thích nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- Phân tích được về dược lý, dinh dưỡng, tâm lý con người, kiểm soát nhiễm khuẩn trong khi thực hành chăm sóc người bệnh.
- Trình bày được tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, những lưu ý khi sử dụng thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý và an toàn.
- Trình bày được kiến thức về vi sinh, ký sinh trùng để xác định các nguyên nhân gây bệnh, nguồn lây nhiễm để lập kế hoạch phòng bệnh.
- Giải thích được quy trình tiếp nhận người bệnh vào viện và hướng dẫn được cho người bệnh các thủ tục, giấy tờ cần thiết cho người bệnh ra viện.
- Phân tích được được đặc điểm tâm lý từng người bệnh để lựa chọn phương pháp giao tiếp và tư vấn sức khỏe phù hợp.
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2. Kỹ năng

- Nhận định được tình trạng người bệnh và đưa ra các chẩn đoán điều dưỡng phù hợp cho người bệnh.
- Phân loại được người bệnh đến khám và cấp cứu, xác định được vấn đề ưu tiên để đưa ra hướng xử trí phù hợp.
- Lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc người bệnh.
- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên ngành.
- Phụ giúp được bác sĩ thực hiện các thủ thuật trên người bệnh.
- Thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu ban đầu các trường hợp cấp cứu tại cộng đồng.
- Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách.
- Theo dõi, đánh giá tình trạng, ghi chép những diễn biến hàng ngày của người bệnh, phát hiện và báo cáo các diễn biến bất thường của người bệnh.
- Giao tiếp lịch sự, thân thiện với người bệnh.

- Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, thân nhân người bệnh và cộng đồng.

- Tham gia phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp phối hợp phòng chống dịch và bảo vệ môi trường sức khỏe.

- Người học có khả năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và ứng dụng công nghệ số trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và chuyển đổi số.

- Sử dụng được tiếng Anh cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; sử dụng được tiếng Anh để giao tiếp, nghiên cứu tài liệu điều dưỡng phù hợp với trình độ.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với kết quả công việc của cá nhân và của nhóm; giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

- Thận trọng, tỉ mỉ khi thực hành nghề nghiệp; tuân thủ đúng các quy định về y đức, các quy chế chuyên môn, các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực điều dưỡng và các quy trình kỹ thuật của ngành y tế.

III. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có năng lực đáp ứng yêu cầu về vị trí việc làm sau đây:

- Điều dưỡng phòng khám.
- Điều dưỡng chăm sóc.
- Điều dưỡng cộng đồng.

IV. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN HỌC TẬP

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.505 giờ (100 tín chỉ).

- Số lượng môn học: 40.

- Khối lượng học tập các môn học chung: 435 giờ (19 tín chỉ).

- Khối lượng học tập các môn học chuyên môn: 1.965 giờ (77,5 tín chỉ).

+ Khối lượng học tập các môn học cơ sở khối ngành và ngành: 620 giờ (29 tín chỉ).

+ Khối lượng học tập các môn học ngành và chuyên ngành: 1.345 giờ (48,5 tín chỉ).

- Khối lượng học tập các môn học bổ trợ: 105 giờ (3,5 tín chỉ).

- Khối lượng lý thuyết: 756 giờ (48,5 tín chỉ); thực hành, thực tập, tích hợp: 1.749 giờ (51,5 tín chỉ).

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Danh mục và thời lượng các môn học

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				
			Trong đó				
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Tích hợp	Kiểm tra
I. Các môn học chung:		19	435	157	255	0	23
CDD.11101	Giáo dục chính trị	5	75	41	29		5
CDD.11102	Tiếng Anh	4	120	42	72		6
CDD.11103	Tin học	3	75	15	58		2
CDD.11104	Giáo dục thể chất	2	60	5	51		4
CDD.11105	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35		4
CDD.11106	Pháp luật	2	30	18	10		2
II. Các môn học chuyên môn:		77,5	1.965	552	874	415	124
1. Các môn học cơ sở khối ngành và ngành		29	620	237	76	273	34
CDD.11107	Lý sinh y học	2	30	28			2
CDD.11108	Hóa học và Hóa sinh	3	45	41			4
CDD.11109	Di truyền y học	2	30	23	5		2
CDD.11110	Giải phẫu - Sinh lý	2	60			58	2
CDD.11111	Vi sinh vật - Ký sinh trùng	1,5	45			43	2
CDD.11112	Sinh lý bệnh	2,5	45	28	14		3
CDD.11113	Dược lý	2	30	28			2
CDD.11114	Kiểm soát nhiễm khuẩn	1	15	13			2

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				
			Trong đó				
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Tích hợp	Kiểm tra
CDD.11115	Điều dưỡng cơ sở 1	3	85	10		72	3
CDD.11116	Điều dưỡng cơ sở 2	3	85	10		72	3
CDD.11117	TT Tiền lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	1	30		28		2
CDD.11118	Tâm lý, giáo dục sức khỏe và Y đức	3	60	28	29		3
CDD.11119	Sức khỏe môi trường - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2	30	28			2
CDD.11120	Dinh dưỡng - Tiết chế	1	30			28	2
2. Các môn học ngành và chuyên ngành		48,5	1.345	315	798	142	90
CDD.11121	TTLS Điều dưỡng cơ sở và Kiểm soát nhiễm khuẩn	3	120		112		8
CDD.11122	Chăm sóc người bệnh nội khoa	4	75	43	28		4
CDD.11123	TTLS CS người bệnh nội khoa	3	120		112		8
CDD.11124	Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	4	60	56			4
CDD.11125	TTLS Chăm sóc người bệnh ngoại khoa	3	120		112		8
CDD.11126	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3	60	28		29	3
CDD.11127	TTLS Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	80		72		8
CDD.11128	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	3	60	28		28	4
CDD.11129	TTLS CS sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	80		72		8

Mã MH	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				
			Trong đó				
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Tích hợp	Kiểm tra
CDD.11130	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực	2	30	28			2
CDD.11131	TTLS CS người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực	2	80		72		8
CDD.11132	Chăm sóc người bệnh Truyền nhiễm	2	30	28			2
CDD.11133	Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	2,5	50	28	19		3
CDD.11134	Điều dưỡng Bệnh các chuyên khoa	3,5	70	38	28		4
CDD.11135	Quản lý điều dưỡng	2	50	19		29	2
CDD.11136	Xác suất thống kê và nghiên cứu khoa học	2	60			56	4
CDD.11137	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	1,5	40	19	19		2
CDD.11138	Thực tập nghề nghiệp	4	160		152		8
II. Các môn học bổ trợ:		3,5	105	0	0	99	6
CDD.11139	Ứng dụng công nghệ số	0,5	15			13	2
CDD.11140	Củng cố kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp	3,0	90			86	4
Tổng cộng I + II + III:		100	2.505	709	1.129	514	153